

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HS-ST

Ngày: 20 - 02 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Bà Nguyễn Ngọc Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Lương Duy Long - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Xuân T, sinh ngày 05/7/1999; Nơi cư trú: Thôn K, xã Ô, huyện G, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Xuân T2 và bà Hoàng Thị T3; Có vợ là Phạm Thị P và có 01 con sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị tạm giữ từ ngày 26/10/2023 đến ngày 01/11/2023 chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. (có mặt)

Bị hại:

- Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977 (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 17, phường B, thành phố Thái Bình,

tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Thôn L, xã M, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Chị Lê Thị T1, sinh năm: 1999 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5 I, xã Y, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở: Số nhà 02, ngõ 459, tổ 21, phường TL, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị P, sinh năm: 2004. (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn K, xã Ô, huyện G, tỉnh Thái Bình.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 59 S, tổ 4, thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

- Cháu Trần Việt Đ, sinh năm: 2010 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn L, xã M, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện hợp pháp của cháu Trần Việt Đ là chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977, cư trú tại thôn L, xã M, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (là mẹ đẻ cháu Trần Việt Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 24/10/2023, Trần Xuân T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha, màu sơn xanh đen bạc, biển kiểm soát 17B3-XXX.XX đi từ nhà lên thành phố Thái Bình với mục đích cướp giật tài sản của người đi đường bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T dừng xe tại Quảng trường 14 tháng 10 thuộc phường LP, thành phố Thái Bình, lấy một khẩu trang y tế màu xanh ở trong cốp xe ra che biển kiểm soát xe lại với mục đích tránh bị mọi người phát hiện. Sau đó T đi lòng vòng trên các tuyến đường xem ai có sơ hở tài sản thì cướp giật. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, khi T điều khiển xe máy trên đường V hướng từ thành phố Thái Bình về ngã tư L, xã M, thành phố Thái Bình (khu vực cầu TN) thì phát hiện chị Nguyễn Thị Thu H đang điều khiển xe máy điện nhãn hiệu Vinfax, sơn màu xám, biển kiểm soát 41MĐ1-YYY.YY chở con trai là cháu Trần Việt Đ đi cùng chiều với T, T nhìn thấy ở cổ chị H có đeo một sợi dây chuyền vàng. Thấy vậy, T điều khiển xe máy đi theo sau xe máy điện của chị H, khi đi đến gần khu vực cây xăng Petrolimex thuộc

thôn TN, xã M, thành phố Thái Bình, T điều khiển xe máy áp sát vào bên phải xe của chị H rồi dùng tay trái giật sợi dây chuyền trên cổ chị H. Do bị bất ngờ nên chị H hô to “cướp, cướp” thì lúc này T nhanh chóng điều khiển xe máy tăng ga bỏ chạy hướng ngã tư L để về nhà.

Đến trưa ngày 25/10/2023, T mang sợi dây chuyền cướp giật được của chị H đến cửa hàng Vàng bạc MT tại thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình bán được số tiền 28.750.000 đồng. Sau khi bán xong T mang số tiền trên về nhà cất giấu. Đến sáng ngày 26/10/2023 cơ quan điều tra đã triệu tập Trần Xuân T lên làm việc. T đã tự nguyện lấy số tiền trên đến cửa hàng Vàng bạc MT ở thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình mua lại sợi dây chuyền vàng mà T đã cướp giật được của chị H để giao nộp lại cho cơ quan Công an.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra xác định ngoài vụ cướp giật tài sản nêu trên Trần Xuân T còn gây ra vụ “Trộm cắp tài sản” vào ngày 15/7/2023 tại hầm gửi xe của Trung tâm thương mại VC thuộc tổ 8, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Nội dung cụ thể như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 15/7/2023 Trần Xuân T điều khiển xe máy chở vợ là chị Phạm Thị P và con trai từ nhà lên Trung tâm thương mại VC thuộc tổ 8, phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để mua sắm. Khi vợ con T đi lên tầng 2 thì T quay lại xe để lấy quần áo thay cho con. Khi xuống tầng hầm gửi xe, T nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu đỏ, biển kiểm soát 17B9 - ZZZ.ZZ của chị Lê Thị T1 (chị T1 là nhân viên bán hàng tại Trung tâm thương mại VC) chưa khóa cốp xe. T quan sát xung quanh không có ai nên đã nảy sinh ý định mở cốp xe của chị T1 để trộm cắp tài sản. Khi mở cốp xe, T phát hiện trong cốp xe có 01 ví da màu đen, bên trong ví có tiền với nhiều loại mệnh giá khác nhau nên T đã lấy hết số tiền trong ví rồi cất vào túi quần trước bên phải đang mặc, bỏ ví lại trong cốp và đóng cốp xe lại. Khi về nhà T kiểm tra số tiền trộm cắp được của chị Lê Thị T1 là 3.000.000 đồng. Ngày 17/7/2023 T tiếp tục điều khiển xe máy lên Trung tâm thương mại VC với mục đích tìm xem có xe nào không khóa cốp để trộm cắp tài sản. Do nghi ngờ có hành vi trộm cắp tài sản nên tổ công tác Công an phường ĐT, thành phố Thái Bình đưa T về trụ sở làm việc. Tại đây, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và tự nguyện giao nộp số tiền 4.730.000 đồng. Ngày 02/11/2023 Công an phường ĐT, thành phố Thái Bình đã bàn giao hồ sơ cùng tang vật cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình để điều tra theo quy định.

Công văn số 92/AJC/CV-KD ngày 28/11/2023 của Công ty cổ phần vàng bạc đá quý ASEAN trả lời: Dây chuyền gửi giám định là dây chuyền vàng liền mặt (có đính đá là nhựa không có giá trị), hàm lượng vàng 99,5%, trọng lượng vàng 5 chỉ.

Bản kết luận định giá tài sản số 21/KL - HĐĐGTS ngày 01/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái

Bình kết luận: Trị giá tài sản tại thời điểm định giá ngày 24/10/2023 là 28.485.000 đồng.

Ngày 18/12/2023 Cơ quan điều tra đã trả cho chị Nguyễn Thị Thu H 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, trên mặt dây chuyền có hoạ tiết hình bông hoa, có đính một viên đá màu đỏ, xung quanh có nhiều viên đá nhỏ màu trắng. Chị Lê Thị T1 đã nhận lại số tiền 3.000.000 đồng do bị cáo T tự nguyện bồi thường. Các bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nào khác.

Bản Cáo trạng số 28/CT-VKSTPTB ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố Trần Xuân T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Xuân T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bị hại là chị Nguyễn Thị Thu H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị P trình bày chị không biết việc bị cáo Trần Xuân T sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha, màu sơn xanh đen bạc, gắn biển kiểm soát 17B3-XXX.XX của chị để đi cướp giật, chị đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị chiếc xe trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Xuân T phạm tội "Cướp giật tài sản" và “Trộm cắp tài sản”.

- Hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Xuân T mức án từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Xuân T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của 02 tội, xử phạt bị cáo Trần Xuân T mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/10/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Thu H và chị Lê Thị T1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nào khác nên không đặt ra giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho chị Phạm Thị P 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, màu sơn xanh đen bạc, biển kiểm soát 17B3-XXX.XX, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động màu đen, mặt sau có in chữ Oppo, đã qua sử dụng.

Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động màu đen, mặt sau có in chữ Samsung, đã qua sử dụng và số tiền 4.730.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo sơ mi dài tay màu trắng kẻ sọc, 01 áo phông ngắn tay màu đen, 01 quần bò dài màu xanh, 01 đôi dép nhựa màu đen, 01 mũ bảo hiểm nửa đầu màu đen, loại lưỡi trai, phần giữa mũ có họa tiết kẻ sọc trắng, đều đã qua sử dụng.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Trần Xuân T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Xuân T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản xác định hiện trường, kết luận định giá và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 24/10/2023, tại khu vực cầu TN thuộc địa phận xã M, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Trần Xuân T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, sơn màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 17B3 - XXX.XX đã dùng tay trái giật sợi dây chuyền vàng trên cổ của chị Nguyễn Thị Thu H, tài sản cướp giật trị giá 28.485.000 đồng. Ngoài ra, ngày 15/7/2023 tại hầm để xe thuộc Trung tâm thương mại VC, tổ 8, phường DT,

thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Trần Xuân T có hành vi trộm cắp số tiền 3.000.000 đồng của chị Lê Thị T1 để trong cốp xe máy.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 171. “Tội cướp giật tài sản”

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý phạm tội.

[4] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố đối với bị cáo Trần Xuân T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và

các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, trên mặt dây chuyền có họa tiết hình bông hoa, có đính một viên đá màu đỏ, xung quanh có nhiều viên đá nhỏ màu trắng, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thu H. Ngày 18/12/2023 Cơ quan điều tra đã trả cho chị H, chị H đã nhận lại tài sản. Chị Lê Thị T1 đã nhận lại số tiền 3.000.000 đồng do bị cáo T tự nguyện bồi thường. Các bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nào khác nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, sơn màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 17B3 - XXX.XX, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Phạm Thị P (là vợ của bị cáo T). Khi bị cáo sử dụng chiếc xe trên đi cướp giật tài sản, chị P không biết, do đó trả lại chiếc xe trên cho chị Phạm Thị P.

Đối với 01 điện thoại di động màu đen, mặt sau có in chữ Oppo, góc trên bên trái bị nứt, là tài sản của chị Phạm Thị P (là vợ của bị cáo T), không liên quan đến hành vi phạm tội, do đó trả lại cho chị P.

Đối với 01 điện thoại di động màu đen, mặt sau có in chữ Samsung, là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, do đó trả lại cho bị cáo.

Trả lại bị cáo Trần Xuân T số tiền 4.730.000 đồng (bốn triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Đối với: 01 áo sơ mi dài tay màu trắng kẻ sọc, 01 áo phông ngắn tay màu đen, 01 quần bò dài màu xanh, 01 đôi dép nhựa màu đen, 01 mũ bảo hiểm nửa đầu màu đen, loại lưỡi trai, phần giữa mũ có họa tiết kẻ sọc trắng, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Đối với anh Nguyễn Ngọc N là quản lý cửa hàng vàng bạc đá quý MT, khi mua chiếc dây chuyền vàng của T, anh N không biết chiếc dây chuyền này là do T cướp giật mà có, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[11] Về án phí: Bị cáo Trần Xuân T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Xuân T phạm tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Xuân T 03 (ba) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Xuân T 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

2.3. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của 02 tội, xử phạt bị cáo Trần Xuân T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/10/2023.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại chị Phạm Thị P 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, sơn màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 17B3 - XXX.XX và 01 điện thoại di động màu đen, mặt sau có in chữ Oppo, góc trên bên trái bị nứt, đã qua sử dụng.

Trả lại bị cáo Trần Xuân T số tiền 4.730.000 đồng (bốn triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) và 01 điện thoại di động màu đen, mặt sau có in chữ Samsung, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo sơ mi dài tay màu trắng kẻ sọc, 01 áo phông ngắn tay màu đen, 01 quần bò dài màu xanh, 01 đôi dép nhựa màu đen, 01 mũ bảo hiểm nửa đầu màu đen, loại lưỡi trai, phần giữa mũ có họa tiết kẻ sọc trắng, đều đã qua sử dụng.

(Vật chứng, tài sản trên đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31/01/2024).

4. Án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Xuân T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Trần Xuân T, chị Nguyễn Thị Thu H, chị Phạm Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý

